

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

SAIGON
TECHNOLOGY
UNIVERSITY

STU

QUY ĐỊNH

**VỀ ĐIỀU KIỆN, XÂY DỰNG HỒ SƠ,
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH VÀ KINH PHÍ MỞ NGÀNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**



TP. Hồ Chí Minh, tháng 06 năm 2017

Số: 445/QĐ-DSG-SĐH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về điều kiện, xây dựng hồ sơ, tổ chức thẩm định và kinh phí mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg, ngày 06/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học DL Kỹ nghệ TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg, ngày 16/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học DL Kỹ nghệ TP. Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 4488/QĐ-BGD&ĐT ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22/12/2010 về việc “Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ” của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc Ban hành “Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ” của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-DSG-SĐH ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ của trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ theo đề nghị của Phòng Quản lý Khoa học & Sau đại học;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về điều kiện, xây dựng hồ sơ, tổ chức thẩm định và kinh phí mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn”;

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3: Lãnh đạo các khoa, phòng, ban, trung tâm và các cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- TT. HĐQT (để báo cáo);
- Các khoa, phòng, ban;
- Lưu: P.QLKH&SĐH, P. HCQT



TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2017

QUY ĐỊNH
VỀ ĐIỀU KIỆN, XÂY DỰNG HỒ SƠ, TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH
VÀ KINH PHÍ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 145/QĐ-DSG-SĐH ngày 07/06/2017
của Hiệu trưởng Trường ĐH Công Nghệ Sài Gòn)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ để xây dựng quy định

Quy định về điều kiện, xây dựng hồ sơ, tổ chức thẩm định và kinh phí mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn được xây dựng dựa trên các văn bản pháp luật hiện hành sau:

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội;
- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/09/2010 về việc Ban hành “Điều lệ trường đại học” của Thủ tướng Chính phủ;
- Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22/12/2010 về việc “Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ” của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc Ban hành “Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ” của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản Quy định về điều kiện, xây dựng hồ sơ, tổ chức thẩm định và kinh phí mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm xác định cụ thể các điều kiện cần thiết, quá trình xây dựng hồ sơ, tổ chức thực hiện việc thẩm định chương trình và nguồn kinh phí để mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn (STU);
2. Văn bản quy định chỉ áp dụng trong phạm vi nội bộ STU;
3. Quy chế không áp dụng đối với chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết với cơ sở đào tạo nước ngoài.

Điều 3. Mục đích

1. Thống nhất quy trình, triển khai thực hiện hiệu quả và đảm bảo đúng quy định hiện hành trong việc xây dựng hồ sơ, tổ chức thẩm định chương trình và nguồn kinh phí để mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn;
2. Tạo thuận lợi cho các đơn vị trong việc xây dựng đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Đồng thời, tạo sự phối hợp tốt giữa các đơn vị nhằm đảm bảo thành công trong việc mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH HOẶC CHUYÊN NGÀNH

Điều 4. Điều kiện chung

1. Nhà trường không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ ở các ngành/chuyên ngành đang đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày Trường đề nghị cho phép đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ.
2. Website Trường được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của Nhà trường, công khai thu chi tài chính.
3. Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.
4. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo ngành/chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ, cụ thể:
 - a) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu của ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo;
 - b) Thư viện Trường có phòng tra cứu thông tin cung cấp các nguồn thông tin tư liệu (sách, giáo trình và tạp chí trong và ngoài nước) được xuất bản trong 5 năm trở lại

đây, đáp ứng yêu cầu dạy, học các học phần trong chương trình đào tạo và thực hiện đề tài luận văn.

Điều 5. Điều kiện đề nghị mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

Khi đề nghị mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành/chuyên ngành đề nghị phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Ngành/chuyên ngành đề nghị xây dựng đề án xin phép đào tạo trình độ thạc sĩ phải xuất phát từ ngành/chuyên ngành đã đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy và đã có ít nhất 2 khóa sinh viên tốt nghiệp.

2. Tên ngành/chuyên ngành đào tạo đề nghị có trong Danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường hợp tên ngành/chuyên ngành đào tạo đề nghị chưa có trong Danh mục, khoa chuyên môn phải trình bày luận cứ khoa học về ngành/chuyên ngành đào tạo mới, trình Hội đồng khoa học đào tạo chuyên ngành của trường thông qua; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của một số trường đại học đã được kiểm định ở nước ngoài.

3. Ngành/chuyên ngành đào tạo đề nghị xin phép phải phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của thành phố Hồ Chí Minh, khu vực và quốc gia; phải đảm bảo đúng định hướng phát triển của nhà trường và nhu cầu của người học.

4. Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ ở ngành/chuyên ngành đề nghị xây dựng đề án xin phép đào tạo, cụ thể:

a) Đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường có trình độ thạc sĩ trở lên tham gia giảng dạy ít nhất 70% chương trình đào tạo. Đối với phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành, giảng viên tham gia giảng dạy lý thuyết phải có trình độ tiến sĩ;

b) Có ít nhất 5 giảng viên cơ hữu có bằng tiến sĩ cùng ngành đề nghị xin phép đào tạo, trong đó có ít nhất 3 người cùng chuyên ngành.

5. Có năng lực, kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực của ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo; các giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ đã và đang chủ trì các đề tài khoa học từ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên ở ngành/chuyên ngành đề nghị xin phép đào tạo. Mỗi giảng viên là tiến sĩ có ít nhất 3 công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định trong 5 năm trở lại đây tính đến ngày đề nghị lập đề án xin phép đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

6. Đã xây dựng chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo của ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo, được xây dựng theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành do Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn ban hành.

CHƯƠNG III

XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Điều 6. Ban xây dựng đề án

1. Khoa chuyên môn và/hoặc phòng Quản lý Khoa học & Sau đại học (QLKH&SDH) căn cứ tình hình thực tế của Nhà trường và một số quy định tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7 của Điều 16 trong Quy định này để đề nghị thành lập Ban xây dựng đề án xin phép mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của ngành/chuyên ngành đề nghị (gọi chung là Ban xây dựng đề án).
2. Ban xây dựng đề án có tối đa 09 thành viên. Trong đó bao gồm: 01 Trưởng ban; 01 Phó ban/cố vấn; 06 thành viên và 1 thư ký.
3. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban xây dựng đề án trên cơ sở đề nghị của khoa chuyên môn và/hoặc phòng QLKH&SDH theo Khoản 1 Điều này.
4. Thành phần Ban xây dựng đề án là những người am hiểu về ngành/chuyên ngành đào tạo và có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo bao gồm: đại diện khoa chuyên môn, đại diện phòng QLKH&SDH, một số giảng viên đứng ngành/chuyên ngành đào tạo, một số nhà khoa học, chuyên gia giáo dục và các thành phần liên quan khác theo yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo và đại diện một số doanh nghiệp/cơ quan sử dụng lao động thuộc ngành/chuyên ngành đề nghị.

Điều 7. Nội dung đề án xin phép mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

Đề án đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ được xây dựng theo quy định tại Phụ lục II, bao gồm các nội dung: Sự cần thiết phải xây dựng đề án; những căn cứ để lập đề án; mục tiêu đào tạo, đối tượng tuyển sinh; năng lực của cơ sở đào tạo; chương trình và kế hoạch đào tạo của ngành/chuyên ngành đăng ký đào tạo trình độ thạc sĩ và các minh chứng kèm theo.

Điều 8. Xây dựng nội dung chi tiết và phân công nhiệm vụ

Nội dung đề án bao gồm 4 phần, cụ thể như sau:

1. Phần 1: Sự cần thiết xây dựng đề án. Ban xây dựng đề án chủ trì với sự phối hợp của phòng QLKH&SDH, phòng Đào tạo, phòng Công tác Sinh viên, Ban Đảm bảo và Kiểm định chất lượng giáo dục. Nội dung bao gồm:
 - Mở đầu.
 - Giới thiệu về Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn.
 - Giới thiệu về khoa đào tạo ngành/chuyên ngành đề nghị.
 - Kết quả đào tạo đại học của ngành/chuyên ngành đề nghị.
 - Lý do đề nghị cho phép mở ngành/chuyên ngành.
2. Phần 2: Mục tiêu đào tạo, đối tượng tuyển sinh. Ban xây dựng đề án chủ trì với sự phối hợp của phòng QLKH&SDH, phòng Kế hoạch Tài chính. Nội dung bao gồm:

a) Mục tiêu đào tạo.

- Mục tiêu chung.
- Mục tiêu cụ thể:
 - + Về kiến thức;
 - + Về kỹ năng.

b) Thời gian đào tạo.

c) Đối tượng tuyển sinh:

- Về văn bằng.
- Điều kiện dự thi.
- Bổ sung và chuyển đổi kiến thức.
 - + Đối tượng ngành đúng (không cần học kiến thức bổ sung);
 - + Đối tượng ngành gần cần học bổ túc;
 - + Danh mục các môn học bổ sung kiến thức.

d) Đối tượng và chính sách ưu tiên.

e) Đối tượng và tiêu chuẩn xét tuyển thẳng.

f) Phương án tuyển sinh.

g) Quy mô tuyển sinh.

h) Mức học phí.

i) Điều kiện tốt nghiệp.

3. Phần 3: Năng lực cơ sở đào tạo. Ban xây dựng đề án chủ trì với sự phối hợp của phòng QLKH&SĐH, phòng Hành chính Quản trị. Nội dung bao gồm:

a) Đội ngũ giảng viên cơ hữu (*Mẫu 1 Phụ lục III*).

b) Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

- Thiết bị phục vụ đào tạo (*Mẫu 2 Phụ lục III*);
- Thư viện (*Mẫu 3 Phụ lục III*);
- Cơ sở vật chất của trường.

c) Hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Đề tài khoa học đã thực hiện (*Mẫu 4 Phụ lục III*);
- Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn, luận án (*Mẫu 5 Phụ lục III*);
- Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu của ngành/chuyên ngành đề nghị (*Mẫu 6 Phụ lục III*).

d) Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Của nhà trường;
- Của khoa.

4. Phần 4: Chương trình và kế hoạch đào tạo. Ban xây dựng đề án chủ trì với sự phối hợp của phòng QLKH&SĐH. Nội dung bao gồm:

a) Chương trình đào tạo (*Phụ lục IV*);

b) Dự kiến kế hoạch đào tạo.

Điều 9. Hoàn chỉnh đề án

1. Sau khi hoàn chỉnh đề án theo đúng nội dung quy định trong Điều 7, 8 của Quy định này, Ban xây dựng đề án gửi về phòng QLKH&SDH file mềm và 2 bản in nội dung toàn bộ đề án.
2. Phòng QLKH&SDH hoàn chỉnh đề án theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn, in nội dung đề án hoàn chỉnh thành 2 bản.
3. Phòng QLKH&SDH và Ban xây dựng đề án tổ chức buổi họp để đánh giá, cùng thống nhất và thông qua nội dung đề án. Căn cứ nội dung đã thống nhất, phòng QLKH&SDH hoàn chỉnh đề án và in thành 10 bộ đề án hoàn chỉnh nhằm thực hiện công tác thẩm định năng lực, chương trình đào tạo và lưu trữ.

CHƯƠNG IV XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 10. Một số khái niệm

1. Tín chỉ là đơn vị tính khối lượng học tập của người học.
 - a) Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án;
 - b) Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập.
2. Khối lượng kiến thức tối thiểu là số lượng tín chỉ bắt buộc mà người học phải tích lũy được.

Đa phần các ngành và chuyên ngành của Trường là 60 tín chỉ. Riêng đối với những ngành/chuyên ngành ở trình độ đại học tương ứng có khối lượng kiến thức tối thiểu tích lũy từ 150 tín chỉ trở lên thì khối lượng kiến thức tối thiểu trình độ thạc sĩ là 30 tín chỉ.
3. Chương trình đào tạo là hệ thống kiến thức lý thuyết và thực hành được thiết kế đồng bộ với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập để đảm bảo người học tích lũy được kiến thức và đạt được năng lực cần thiết.
4. Chuẩn đầu ra là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được Nhà trường cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.
5. Năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp là khả năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, đạo đức

nghề nghiệp và tâm huyết với nghề; bao gồm kiến thức, kỹ năng, tính chủ động sáng tạo trong giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành/chuyên ngành.

Điều 11. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.
2. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là tiếng Việt. Nếu đào tạo thạc sĩ bằng ngôn ngữ nước ngoài, Trường ban xây dựng đề án trình Hiệu trưởng quyết định theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
3. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ từ một đến hai năm học. Cụ thể:
 - a) Tối thiểu 1 năm học đối với những ngành, chuyên ngành mà ở trình độ đại học có thời gian đào tạo từ 5 năm học trở lên và khối lượng kiến thức tích lũy được từ 150 tín chỉ trở lên;
 - b) Từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với những ngành, chuyên ngành không thuộc quy định tại Điểm a, Khoản này.

Điều 12. Xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng nghiên cứu và/hoặc theo định hướng ứng dụng, cụ thể:

1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 13. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo

Khi xây dựng chương trình phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Căn cứ vào năng lực, điều kiện và định hướng phát triển đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo và nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ

thạc sĩ để xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và/hoặc theo định hướng ứng dụng.

2. Xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của mỗi ngành, chuyên ngành đào tạo; khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đối với luận văn phù hợp với định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng và phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ đối với chương trình đào tạo một năm học; tối thiểu 45 tín chỉ đối với chương đào tạo một năm rưỡi và tối thiểu 60 tín chỉ đối với chương trình đào tạo hai năm học. Khối lượng học tập của mỗi tín chỉ theo quy định của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành.

4. Nội dung chương trình hướng vào việc thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành đào tạo. Phần kiến thức ở trình độ đại học, nếu cần thiết phải nhắc lại thì không được quá 5% thời lượng quy định cho mỗi học phần.

Điều 14. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ.

1. Phần kiến thức chung: bao gồm học phần triết học và ngoại ngữ (nếu có).

a) Học phần triết học có khối lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Học phần ngoại ngữ: căn cứ trình độ ngoại ngữ của người trúng tuyển và yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 27 trong Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, Ban xây dựng đề án đề xuất khối lượng học tập học phần ngoại ngữ phù hợp.

2. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Trong đó, các học phần tự chọn chiếm tối thiểu 30% khối lượng chương trình đào tạo. Ban xây dựng đề án phải tổ chức xây dựng số học phần tự chọn nhiều hơn số học phần mà học viên được chọn.

3. Luận văn: có khối lượng tối thiểu 7 tín chỉ.

4. Tùy theo chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu hoặc theo định hướng ứng dụng, Ban xây dựng đề án trình Hiệu trưởng quyết định tỷ lệ kiến thức cơ sở, chuyên ngành và luận văn trong chương trình đào tạo.

Điều 15. Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định

hiện hành và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, người học sau khi tốt nghiệp phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

1. Kiến thức:

Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;

2. Kỹ năng:

Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực được đào tạo;

Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ;

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

Điều 16. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo

1. Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ về ngành/chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp quy định tại Điều 13 và Điều 15 của Quy định này;

2. Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

3. Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

4. Bước 4: Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo;
5. Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định;
6. Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về chương trình đào tạo;
7. Bước 7: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan, gửi về phòng QLKH&SDH để tổ chức họp Hội đồng khoa học ngành/chuyên ngành của trường xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng;
8. Bước 8: Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

Điều 17. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo

1. Ban xây dựng đề án đồng thời cũng là Ban soạn thảo và xây dựng chương trình đào tạo.
2. Khoa chuyên môn và phòng QLKH&SDH thực hiện Điểm 1 và 8 của Điều 16.

CHƯƠNG V

**THẨM ĐỊNH NĂNG LỰC ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Điều 18. Quy trình thẩm định năng lực đào tạo

1. Gửi 03 bộ hồ sơ đến Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị kiểm tra và xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, thiết bị phục vụ đào tạo, thư viện.
2. Kiểm tra và xác nhận các điều kiện thực tế.
3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra gồm: 01 đại diện Ban giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (Trưởng đoàn), 01 đại diện lãnh đạo phòng tổ chức cán bộ và 01 chuyên viên (làm nhiệm vụ thư ký).
4. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra, đối chiếu các nội dung kê khai trong hồ sơ với các điều kiện thực tế như: bảng lương của trường; sổ bảo hiểm của giảng viên; văn bằng, chứng chỉ của giảng viên; trang thiết bị; thư viện phục vụ đào tạo ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo và lập biên bản kiểm tra.

5. Biên bản kiểm tra phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Trưởng đoàn kiểm tra và Hiệu trưởng nhà trường, đóng dấu của Sở giáo dục và đào tạo và của Trường. Biên bản kiểm tra được lập thành 06 bản. Sở Giáo dục và Đào tạo lưu 01 bản, Nhà trường lưu 01 bản và gửi 04 bản kèm theo hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

6. Căn cứ vào biên bản kiểm tra, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xác nhận các điều kiện thực tế vào các bảng biểu báo cáo về năng lực của Nhà trường ở Phụ lục III và phụ lục VIII trong hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

Điều 19. Quy trình thẩm định chương trình đào tạo

Nhà trường gửi công văn đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tự tổ chức thẩm định chương trình đào tạo hoặc đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định một cơ sở đào tạo có uy tín thẩm định chương trình đào tạo.

Sau khi nhận được ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tự tổ chức thẩm định chương trình đào tạo hoặc chỉ định một cơ sở đào tạo có uy tín để thẩm định chương trình đào tạo, trường tiến hành thực hiện các công việc sau:

1. Nếu trường được phép tự tổ chức thẩm định chương trình đào tạo, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức họp Hội đồng thẩm định để thẩm định chương trình đào tạo trên cơ sở đề nghị của phòng QLKH&SDH;
2. Nếu trường không được phép tự tổ chức thẩm định, trường gửi 5 bộ chương trình đào tạo đến cơ sở đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định để thẩm định chương trình đào tạo. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở được chỉ định làm nhiệm vụ thẩm định nhận được chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định, thủ trưởng cơ sở đào tạo được chỉ định làm nhiệm vụ thẩm định ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức họp Hội đồng thẩm định để thẩm định chương trình đào tạo.
3. Hội đồng thẩm định gồm 5 thành viên gồm các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ hoặc tiến sĩ khoa học thuộc ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ. Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch, hai phản biện, thư ký và ủy viên.
4. Nội dung và cách thức tiến hành phiên họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo được quy định tại Phụ lục IX của Quy định này.

Sau khi nghe đại diện của Ban xây dựng đề án trình bày báo cáo, các thành viên hội đồng đặt câu hỏi, đại diện Ban xây dựng đề án giải trình, các thành viên hội đồng thảo luận và bỏ phiếu kín.

Hội đồng thẩm định lập biên bản thẩm định. Biên bản thẩm định phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Chủ tịch hội đồng thẩm định, thư ký hội đồng và đóng dấu của cơ sở đào tạo. Biên bản thẩm định được lập thành 06 bản. Cơ sở đào tạo nơi thành

lập hội đồng thẩm định lưu 01 bản, Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn 05 bản (*lưu 01 bản và 04 bản kèm theo hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo*).

Thủ trưởng cơ sở đào tạo được chỉ định làm nhiệm vụ thẩm định xác nhận vào biên bản của Hội đồng thẩm định ở Phụ lục IX và vào chương trình đào tạo ở Phụ lục IV trong hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ của trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn.

Điều 20. Quy trình tự thẩm định chương trình đào tạo

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định) theo đề nghị của phòng QLKH&SDH. Tiêu chuẩn và cơ cấu Hội đồng thẩm định được quy định như sau:

- a) Hội đồng thẩm định có ít nhất 5 thành viên là các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng ngành/chuyên ngành đào tạo với chương trình cần thẩm định; trong đó có ít nhất một người đại diện cho các đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo; các thành viên Ban xây dựng đề án không tham gia Hội đồng thẩm định. Khuyến khích mời giảng viên có uy tín của các trường đại học nước ngoài tham gia hội đồng thẩm định chương trình;
- b) Trường hợp không có người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động đủ tiêu chuẩn tham gia Hội đồng thẩm định thì có thể mời người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của chương trình đào tạo tham gia làm ủy viên hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;
- c) Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch, Thư ký và một số ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau. Nhà trường chỉ cử một người tham gia hội đồng thẩm định;
- d) Trường hợp chương trình cần thẩm định thuộc ngành/chuyên ngành mới, chưa có cơ sở nào ở Việt Nam đào tạo thì Hội đồng thẩm định gồm những người đủ tiêu chuẩn theo quy định này thuộc ngành gần, đã nghiên cứu và công bố ít nhất một công trình khoa học liên quan đến chương trình cần thẩm định (*trừ thành viên đại diện cho đơn vị sử dụng lao động*).

2. Thẩm định chương trình đào tạo

- a) Hội đồng thẩm định căn cứ vào các quy định của quy chế đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định hiện hành về chương trình đào tạo; yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định để thẩm định chương trình;
- b) Cuộc họp của Hội đồng thẩm định phải được ghi thành biên bản chi tiết; trong đó có kết quả biểu quyết về kết luận của Hội đồng thẩm định, có chữ ký của các thành viên hội đồng;
- c) Hội đồng thẩm định phải kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng

thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không được thông qua.

CHƯƠNG VI

XÂY DỰNG HỒ SƠ VÀ XIN PHÉP MỞ NGÀNH HOẶC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Điều 21. Xây dựng Hồ sơ xin phép mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

Khi có đủ các điều kiện được phép đào tạo trình độ thạc sĩ quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy định này; đã hoàn tất việc xây dựng đề án xin phép mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ; hoàn tất công tác thẩm định năng lực và chương trình đào tạo, Phòng QLKH&SDH xây dựng hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo, bao gồm:

1. Tờ trình đề nghị cho phép đào tạo ngành/chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ (*Phụ lục I*).
2. Đề án đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ (*đã xây dựng và được thẩm định*).
3. Biên bản thông qua hồ sơ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo chuyên ngành.
4. Biên bản kiểm tra các điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu, về trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ.
5. Biên bản thẩm định chương trình đào tạo của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của Trường hoặc của cơ sở đào tạo có uy tín do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định.
6. Các tài liệu và minh chứng đính kèm. Bao gồm: Các Quyết định cho phép đào tạo trình độ đại học; Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ của trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn; cơ sở vật chất phục vụ đào tạo; Hoạt động nghiên cứu khoa học; Lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy ngành/chuyên ngành xin phép mở đào tạo trình độ thạc sĩ.
7. Hồ sơ được lập thành 06 bộ. Trong đó: 03 bộ để trình Bộ GD&ĐT và 03 bộ để thực hiện công tác lưu trữ theo quy định của Trường.

Điều 22. Thực hiện xin phép mở ngành

1. Phòng QLKH&SDH là đơn vị thực hiện nhiệm vụ lập tờ trình và trình hồ sơ xin phép mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường.
2. Phòng QLKH&SDH phối hợp Ban xây dựng đề án và các đơn vị liên quan để hiệu chỉnh, bổ sung và giải trình hồ sơ theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT nhằm đạt được kết quả.

CHƯƠNG VII

KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện cho tất cả các công việc và chi trả thù lao được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của trường đã được duyệt dành cho công tác mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng với năm tài chính.

Định mức cho từng nội dung được đính kèm theo quy định này. Định mức này sẽ được điều chỉnh sau mỗi năm thực hiện nhằm sát với tình hình thực tế và hiệu quả của công việc.

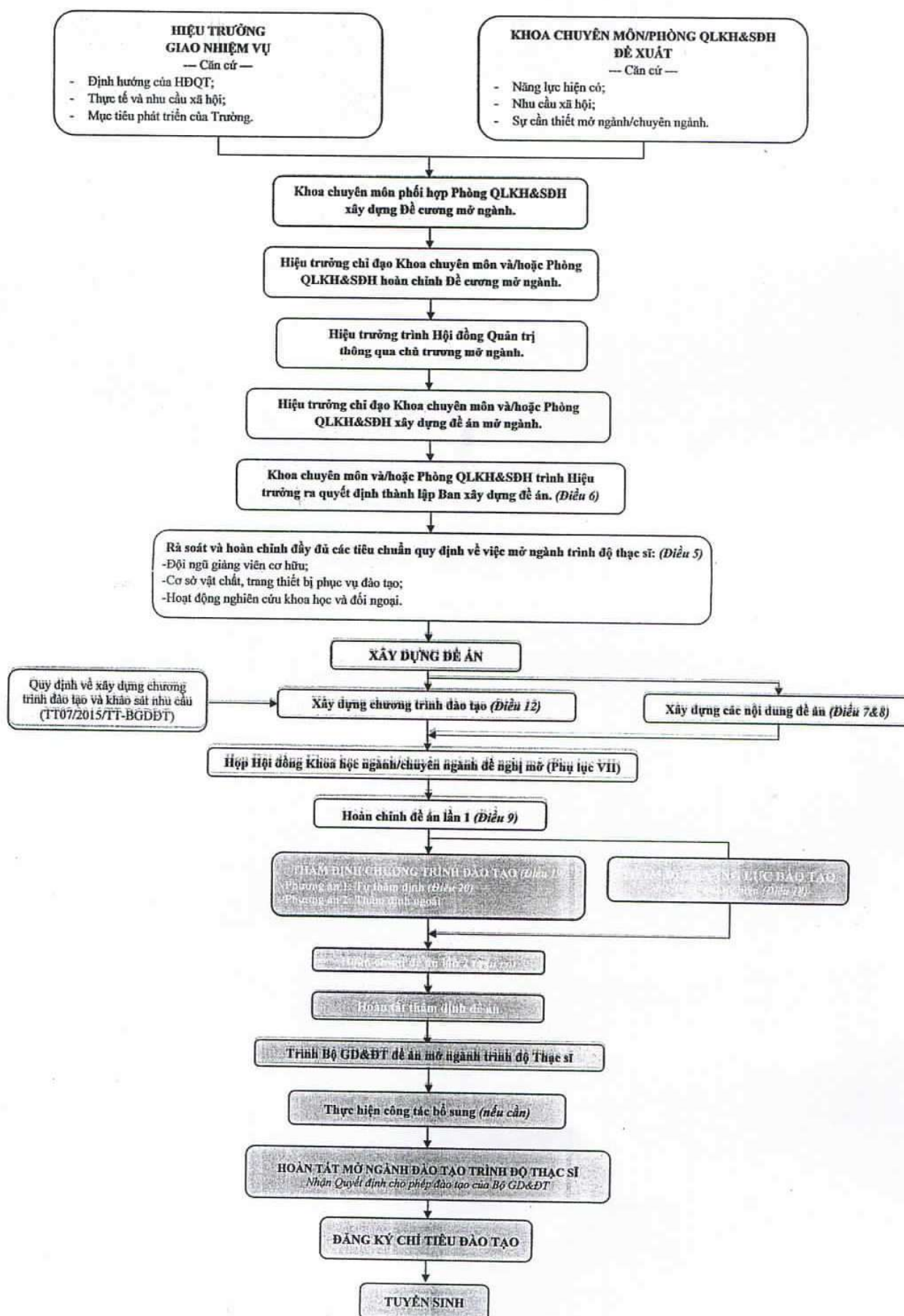
Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và ban hành; -
2. Trường/phó các đơn vị, cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn trường có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, các đơn vị phản ánh, đề xuất để Hiệu trưởng xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.


PGS. TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC & SAU ĐẠI HỌC

**QUY TRÌNH MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ___/TTTr – DSG – SDH

TP. Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 20__

TỜ TRÌNH

ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành hoặc chuyên ngành:

Mã số:

Kính gửi: **Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Trình bày lý do đề nghị cho phép đào tạo:

- Trình bày kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ của ngành /chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh lân cận và khu vực phía nam.

- Phân tích, đánh giá sự phù hợp của nhu cầu này với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Tp. Hồ Chí Minh, khu vực, quốc gia.

2. Giới thiệu ngắn gọn về cơ sở đào tạo:

- Năm thành lập, quá trình hình thành và phát triển;

- Những ngành, chuyên ngành đã được đào tạo ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, đội ngũ giảng viên, số sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp, quy mô hiện tại; trình bày kỹ hơn về các nội dung trên đối các ngành gần, cùng nhóm ngành với ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo;

- Về Khoa hay đơn vị chuyên môn sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.

3. Về ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và chương trình đào tạo:

❖ Ghi rõ tên ngành/chuyên ngành đào tạo đề nghị cho phép đào tạo, tên chương trình đào tạo trình độ đào tạo thạc sĩ.

- Nếu sử dụng chương trình của một trường đại học khác, cần nêu rõ là chương trình của trường đại học nào, kèm theo bản sao chương trình gốc của trường đó và khả năng của cơ sở đào tạo khi thực hiện chương trình này.

- Nếu sử dụng chương trình của nước ngoài (kể cả trường hợp ngành đăng ký đào tạo đã có trong Danh mục) cần nêu rõ là chương trình của trường đại học nào, nước nào và kèm theo bản sao chương trình gốc của trường nước ngoài; khả năng của cơ sở đào tạo khi thực hiện chương trình này.

❖ Tóm tắt về chương trình đào tạo: tổng số tín chỉ, thời gian đào tạo đối với chương trình đào tạo.

❖ Tóm tắt khả năng đáp ứng của cơ sở đào tạo về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, nguồn thông tin tư liệu v.v...

❖ Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu của ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.

❖ Tóm tắt về quá trình xây dựng chương trình đào tạo và chuẩn bị đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất (*phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, tài liệu, sách tham khảo...*) phục vụ cho chương trình đào tạo mới.

4. Kết luận và đề nghị, trong đó cần khẳng định toàn bộ nội dung hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo đã được đưa lên trang web trường tại địa chỉ: <http://www.stu.edu.vn>.

Đề nghị: ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: P.HCQT, P.QLKH & SDH

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

Phần 1. Sự cần thiết phải xây dựng đề án

1. Giới thiệu một vài nét về trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
2. Trình bày kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ của ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh lân cận và khu vực phía Nam. Phân tích, đánh giá sự phù hợp của nhu cầu này với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Tp. Hồ Chí Minh, khu vực, quốc gia.
3. Kết quả đào tạo trình độ đại học, kết quả đào tạo trình độ thạc sĩ đối với những ngành/chuyên ngành đang đào tạo của Trường.
4. Giới thiệu kỹ về Khoa hay đơn vị chuyên môn sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.
5. Lý do đề nghị cho phép ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

Phần 2. Mục tiêu đào tạo, đối tượng tuyển sinh

1. Những căn cứ để lập đề án.
2. Mục tiêu đào tạo (*mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể*).
3. Thời gian đào tạo.
4. Đối tượng tuyển sinh (*Yêu cầu đối với người dự tuyển: văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp, kinh nghiệm công tác*).
5. Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp với ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.
6. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức.
7. Dự kiến quy mô tuyển sinh.
8. Dự kiến mức học phí/người học/năm.
9. Yêu cầu đối với người tốt nghiệp.

Phần 3. Năng lực của cơ sở đào tạo

1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu (*giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ*) *Mẫu 1 phụ lục III*
2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo:
 - Thiết bị phục vụ đào tạo *Mẫu 2 phụ lục III*
 - Thư viện *Mẫu 3 phụ lục III*

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học:

- Đề tài khoa học đã thực hiện *Mẫu 4 phụ lục III*
- Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn, luận án *Mẫu 5 phụ lục III*
- Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu *Mẫu 6 phụ lục III*

4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Phần 4. Chương trình và kế hoạch đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình bày theo quy định *Phụ lục IV*
2. Dự kiến kế hoạch đào tạo.

Phụ lục: Các tài liệu và minh chứng kèm theo

- Các quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ của ngành/chuyên ngành tương ứng với ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.
- Các biên bản thông qua hồ sơ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo, biên bản kiểm tra của Sở giáo dục và đào tạo, biên bản của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.
- Dự thảo quy định về tuyển sinh, quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ (*đối với ngành hoặc chuyên ngành đầu tiên đề nghị cho phép đào tạo*) của cơ sở đào tạo.
- Lý lịch khoa học của đội ngũ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ *Phụ lục VI*

Lưu ý: Đề án được xây dựng trên cơ sở kết quả các nghiên cứu khảo sát về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực ở Tp. Hồ Chí Minh, khu vực, quốc gia đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của ngành, Tp. Hồ Chí Minh và tổ chức các hội thảo với sự tham gia của các giảng viên, các nhà khoa học, cán bộ quản lý, các nhà tuyển dụng, đại diện doanh nghiệp có liên quan đến ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.

HỒ SƠ MINH CHỨNG NĂNG LỰC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

1. Các quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ đại học của ngành/chuyên ngành tương ứng với ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.
2. Các điều kiện bảo đảm chất lượng:
 - 2.1. Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo Mẫu 1
 - 2.2. Thiết bị phục vụ cho đào tạo Mẫu 2
 - 2.3. Thư viện Mẫu 3
 - 2.4. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên liên quan đến ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo do cơ sở đào tạo thực hiện (*kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu*) Mẫu 4
 - 2.5. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn, luận án và số lượng học viên, nghiên cứu sinh có thể tiếp nhận Mẫu 5
 - 2.6. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo của cơ sở đào tạo trong 5 năm trở lại đây (*kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố*) Mẫu 6

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THAM GIA ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH MÃ NGÀNH:

STT	CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN			HỌC HÀM		HỌC VỊ			NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TỐT NGHIỆP	THAM GIA ĐÀO TẠO SĐH			THÀNH TÍCH KHOA HỌC (*)
	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	HỌC HÀM	NĂM PHONG	HỌC VỊ	NƯỚC TN	NĂM TN		NỘI DUNG	NĂM	CƠ SỞ ĐÀO TẠO	
1.													
2.													
3.													
4.													
...													

(*) Số lượng đề tài, các bài báo.

TP.Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 20__

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH MÃ NGÀNH:

STT	MÁY, THIẾT BỊ			NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG	TÊN HỌC PHẦN SỬ DỤNG THIẾT BỊ
	TÊN GỌI	KÝ HIỆU	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
1.							
2.							
3.							
4.							
5.							
...							

TP.Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 20__

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC SÁCH PHỤC VỤ CHO ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH MÃ NGÀNH:

STT	SÁCH, GIÁO TRÌNH, TẠP CHÍ (*)	NƯỚC XUẤT BẢN	NĂM XUẤT BẢN	SỐ LƯỢNG	TÊN HỌC PHẦN SỬ DỤNG SÁCH, GIÁO TRÌNH, TẠP CHÍ
1.					
2.					
3.					
4.					
5.					
...					

(*) chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây.

TP.Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 20__

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH MÃ NGÀNH:

STT	TÊN ĐỀ TÀI	MÃ SỐ	CẤP QUYẾT ĐỊNH	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY NGHIỆM THU (*)	KẾT QUẢ NGHIỆM THU
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
...						

(*) ngày, tháng, năm.

TP.Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 20__

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI LUẬN VĂN, LUẬN ÁN
NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH MÃ NGÀNH:

STT	HƯỚNG NGHIÊN CỨU, LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU	NGƯỜI HƯỚNG DẪN			SỐ LƯỢNG HỌC VIÊN CÓ THỂ TIẾP NHẬN
		HỌ VÀ TÊN	HỌC VỊ	HỌC HÀM	
1.					
2.					
3.					
4.					
...					

TP. Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 20__

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN CƠ HỮU
NGÀNH/CHUYÊN NGÀNHMÃ NGÀNH:

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	TÊN TÁC GIẢ	NGUỒN CÔNG BỐ
1.			
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
...			

TP.Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 20__

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
KHOA:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH:

MÃ NGÀNH:

THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

1. Về kiến thức:
.....
.....
2. Về kỹ năng đào tạo, trình độ và năng lực chuyên môn (lý thuyết, thực hành):
.....
.....
3. Về phẩm chất, đạo đức:
.....
.....
4. Vị trí hay công việc mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp:
.....
.....

II. Chuẩn đầu ra: (chi tiết và cụ thể hóa các nội dung quy định về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người học khi tốt nghiệp).

1. Chuẩn về kiến thức

- 1.1 Khối kiến thức cơ bản (về kiến thức khoa học nền tảng chung, kiến thức phương pháp luận, khả năng học tập ở trình độ cao hơn);
- 1.2 Khối kiến thức chung theo lĩnh vực (về kiến thức chung đặc trưng của lĩnh vực đào tạo, kiến thức liên ngành);
- 1.3 Khối kiến thức chung của khối ngành (về kiến thức chung đặc trưng của khối ngành đào tạo);
- 1.4 Khối kiến thức chung của nhóm ngành (về kiến thức khoa học cốt lõi đặc trưng của nhóm ngành);
- 1.5 Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành và bổ trợ bao gồm cả kiến thức thực tập và tốt nghiệp (kiến thức

đặc thù cốt lõi trực tiếp của ngành, liên quan đến việc thực tập, thực tế, niên luận, khóa luận, đồ án...).

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1 Kỹ năng nghề nghiệp

2.1.1 Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề (*các kỹ năng như lập kế hoạch, tổ chức sắp xếp công việc, đặt mục tiêu, tạo động lực, chăm sóc đối tác, nhận thức và bắt kịp với sự thay đổi của môi trường, lập và quản lý ngân sách, điều hành các cuộc họp hiệu quả, quản lý dự án, kiểm soát stress, xây dựng đội ngũ vững mạnh, quảng bá thương hiệu trên Internet, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành*);

2.1.2 Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề (*gồm phát hiện, hình thành, tổng quát hóa, đánh giá, phân tích, giải quyết vấn đề và đưa ra giải pháp kiến nghị*);

2.1.3 Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức (*gồm khả năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và phản biện kiến thức hiện tại, nghiên cứu để phát triển hay bổ sung kiến thức*);

2.1.4 Kỹ năng tư duy một cách hệ thống (*là khả năng phân tích vấn đề theo logic có so sánh và phân tích với các vấn đề khác và nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ*);

2.1.5 Khả năng nhận biết và phân tích bối cảnh và ngoại cảnh tác động đến cơ sở làm việc, ngành nghề (*gồm trách nhiệm của các cử nhân, hiểu tác động của ngành nghề đến xã hội và các yêu cầu của xã hội về ngành nghề, bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc, các vấn đề và giá trị thời đại, bối cảnh toàn cầu*);

2.1.6 Kỹ năng nhận biết và phân tích tình hình trong và ngoài đơn vị làm việc (cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức) (*văn hóa, chiến lược phát triển đơn vị, mục tiêu, kế hoạch của đơn vị, quan hệ giữa đơn vị với ngành nghề đào tạo, làm việc thành công trong đơn vị,...*);

2.1.7 Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn (*khả năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng được đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp; khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công cụ lao động của nghề nghiệp; khả năng phát hiện và giải quyết hợp lý vấn đề trong nghề nghiệp*);

2.1.8 Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp (*có khả năng nghiên cứu cải tiến hoặc phát minh sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp hoặc dẫn dắt các sự thay đổi đó; cập nhật và dự đoán xu thế phát triển ngành nghề và khả năng làm chủ Khoa học kỹ thuật và công cụ lao động mới và tiên tiến*).

2.2 Kỹ năng mềm

2.1.1 Kỹ năng tự chủ (các kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức - kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời...);

2.1.2 Kỹ năng làm việc theo nhóm (hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau);

2.1.3 Kỹ năng quản lý và lãnh đạo (điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp);

2.1.4 Kỹ năng giao tiếp (lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, ...);

2.1.5 Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

2.1.6 Các kỹ năng mềm khác.

3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức

3.1 Phẩm chất đạo đức cá nhân (sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê, tự chủ, chính trực, phân biệt, sáng tạo...);

3.2 Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp (đạo đức nghề nghiệp, hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, độc lập, chủ động, ...);

3.3 Phẩm chất đạo đức xã hội (có trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, ủng hộ và bảo vệ cái đúng, sáng tạo và đổi mới).

III. Đối tượng dự tuyển: quy định về văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp, kinh nghiệm nghề nghiệp của người dự tuyển.

IV. Điều kiện tốt nghiệp: quy định về thời gian phải tập trung học tập, số học phần hoặc số tín chỉ ít nhất người học phải hoàn thành (bao gồm cả luận văn) theo quy định.

V. Chương trình đào tạo:

1. Nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo (nêu tóm tắt các nguyên tắc khi xây dựng chương trình đào tạo)

2. Khái quát chương trình: nêu rõ số học phần và số tín chỉ ít nhất học viên phải hoàn thành để được xét tốt nghiệp, bao gồm:

- Phần kiến thức chung;

- Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành;

+ Các học phần bắt buộc: tổng số tín chỉ bao gồm lý thuyết và thực hành;

+ Các học phần tự chọn: tổng số tín chỉ bao gồm lý thuyết và thực hành.

- Luận văn: tổng số tín chỉ, yêu cầu của luận văn.

3. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo: liệt kê toàn bộ các học phần thuộc nội dung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo các đề mục: mã số học phần, tên học phần, khối lượng tính bằng tín chỉ (*lý thuyết; thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận*). Riêng học phần ngoại ngữ cần ghi rõ tên ngoại ngữ.

3.1. Môn chung (_ _ tín chỉ)

STT	MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HỌC KỲ
	PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		TỔNG	LT	TN, TH, TL	
1.							
2.							
3.							
...							

3.2. Kiến thức cơ sở bắt buộc (_ _ tín chỉ)

STT	MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HỌC KỲ
	PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		TỔNG	LT	TN, TH, TL	
1.							
2.							
3.							
...							

3.3. Kiến thức chuyên ngành (tổng số tín chỉ: _ _ : _ _ tín chỉ bắt buộc và _ _ tín chỉ tự chọn)

3.3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc (_ _ tín chỉ)

STT	MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HỌC KỲ
	PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		TỔNG	LT	TN, TH, TL	
1.							
2.							
3.							
...							

3.3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (_ _ tín chỉ)

STT	MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HỌC KỲ
	PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		TỔNG	LT	TN, TH, TL	
1.							
2.							
3.							
...							

3.3.3. Kiến thức luận văn (_ _ tín chỉ)

STT	MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HỌC KỲ
	PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		TỔNG	LT	TN, TH, TL	
1.							
2.							
3.							
...							

❖ Quy định về đánh mã số học phần

Mã số học phần gồm 2 phần: phần chữ và phần số.

- Phần chữ: gồm 4 chữ cái. Trong đó, 2 chữ cái đầu tiên viết tắt tên ngành/chuyên ngành, hai chữ cái sau viết tắt tên môn học.

Bảng quy định về mã số ngành/chuyên ngành trong trường Đại học Công nghệ Sài Gòn như sau:

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ SỐ
1.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	CK
2.	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	DD
3.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông	DT
4.	Công nghệ Thông tin	CT
5.	Công nghệ Thực phẩm	TP
6.	Quản trị Kinh doanh	QT

7.	Kỹ thuật Công trình Xây dựng	XD
8.	Thiết kế Công nghiệp	TK

– Phần số gồm 3 chữ số, dạng: 5XX . Trong đó:

✓ 5 là mã số các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ.

✓ XX là thứ tự các học phần. Những học phần của cùng nhóm môn gần thì đánh số gần nhau. Những học phần chung cho nhiều chuyên ngành với khối lượng và nội dung như nhau thì mang cùng mã số.

Ví dụ về Danh mục học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Thực phẩm:

3.1. Môn chung (3 tín chỉ)

STT	MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HỌC KỲ
	PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		TỔNG	LT	TN, TH, TL	
1.	TPTH	501	Triết học	3	2	1	1

3.2. Kiến thức cơ sở bắt buộc (17 tín chỉ)

STT	MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HỌC KỲ
	PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		TỔNG	LT	TN, TH, TL	
1.	TPHS	502	Hóa học hóa sinh thực phẩm nâng cao.	3	2	1	1
2.	TPVS	503	Vi sinh Thực phẩm nâng cao.	3	3	0	1
...							

3.3. Kiến thức chuyên ngành (tổng số tín chỉ: 20: 10 tín chỉ bắt buộc và 10 tín chỉ tự chọn)

3.3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc (10 tín chỉ)

STT	MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HỌC KỲ
	PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		TỔNG	LT	TN, TH, TL	
1.	TPCS	508	Công nghệ Sau thu hoạch.	2	2	0	2

2.	TPSX	509	Công nghệ Sản xuất.	2	2	0	2
...							

3.3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (10 tín chỉ)

STT	MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HỌC KỲ
	PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		TỔNG	LT	TN, TH, TL	
1.	TPDD	512	Dinh dưỡng nâng cao.	2	2	0	2
2.	TPCN	513	Thực phẩm chức năng.	2	2	0	2
...							

4. Chương trình đào tạo

	STT	HỌC KỲ 1 (_ _ tín chỉ)		HỌC KỲ 2 (_ _ tín chỉ)		HỌC KỲ 3 (_ _ tín chỉ)	
		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC
LÝ THUYẾT	1.						
	2.						
	3.						
	4.						
	5.						
	...						
THỰC HÀNH	1.						
	2.						
	...						
TỔNG							

5. Phân công giảng viên giảng dạy: (dự kiến)

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN
A. Môn chung			
1.			
2.			
3.			
...			
B. Kiến thức cơ sở bắt buộc			
1.			
2.			
3.			
...			
C. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			
1.			
2.			
3.			
...			
D. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			
1.			
2.			
3.			
...			
E. Kiến thức luận văn			
1.			
2.			
3.			
...			
...	Luận văn Thạc sĩ		

6. Mô tả tóm tắt và đề cương chi tiết học phần

6.1. Mô tả tóm tắt các học phần

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	MÔ TẢ HỌC PHẦN
1.				
2.				
3.				
...				

6.2. Đề cương chi tiết học phần: mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo, các học phần đều phải có đề cương chi tiết học phần trình bày theo trình tự sau:

- Mã số, tên học phần tổng tín chỉ (*số TC lý thuyết, số TC thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận*).

Ví dụ: TPTH 501 Triết học 3 (2,1), có nghĩa tổng khối lượng môn học là 3 tín chỉ; lý thuyết 2 TC; thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận 1 TC.

- Bộ môn phụ trách giảng dạy.
- Mô tả học phần: trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần (*đã học ở đại học chưa, đã học gì, ở trình độ thạc sĩ sẽ học gì, vị trí của học phần này trong CTĐT*), kiến thức sẽ trang bị cho học viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.
- Mục tiêu học phần: nêu mục tiêu cần đạt được đối với người học sau khi học học phần đó (*về mặt lý thuyết, thực hành*). Cách thức xây dựng như chuẩn đầu ra.
- Nội dung học phần: trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát. Trong từng chương ghi số tiết giảng lý thuyết, bài tập, thực hành (*hoặc thí nghiệm, thảo luận*). Để học viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những tài liệu tham khảo nào, ở đâu.
- Phần tài liệu tham khảo: ghi rõ những sách, tạp chí và tư liệu thông tin liên quan đến học phần.
- Phương pháp đánh giá học phần, trong đó quy định số lần kiểm tra, bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá.

❖ *Mẫu đề cương chi tiết (Phụ lục V)*

**Thủ trưởng cơ sở thẩm định
chương trình đào tạo**
(Ký tên, đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
KHOA/BAN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

I. Thông tin về học phần

1. Tên học phần:
2. Tên tiếng Anh:
3. Mã học phần:
4. Số tín chỉ: X

Phân bổ thời gian: X (a:b:c)

II. Thông tin giảng viên

1. Giảng viên phụ trách chính:
2. Giảng viên cùng giảng dạy:
.....
.....

III. Điều kiện tham gia học tập học phần

1. Môn học trước:
2. Môn học tiên quyết:

IV. Mô tả tóm tắt học phần

❖ Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần (*đã học ở đại học chưa, đã học gì, ở trình độ thạc sĩ sẽ học gì, vị trí của học phần này trong CTĐT*), kiến thức sẽ trang bị cho học viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

V. Mục tiêu học phần

❖ Nêu mục tiêu cần đạt được đối với người học sau khi học học phần đó (*về mặt lý thuyết, thực hành*).

STT	MỤC TIÊU	MÔ TẢ (*)	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (**)
1.	MTHP01		
2.	MTHP02		
...			

❖ Ghi chú:

- (*) Những kiến thức mà học phần này trang bị cho người học.
- (**) Đối chiếu với chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo.

VI. Chuẩn đầu ra của học phần

STT	MỤC TIÊU	CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN	MÔ TẢ (*)
1.	MTHP01	CĐRMH01.1	
		CĐRMH01.2	
		...	
2.	MTHP02	CĐRMH02.1	
		CĐRMH02.2	
		...	
...			

❖ Ghi chú:

- (*) Những kiến thức, kỹ năng mà người học có thể làm được sau khi học học phần này.

VII. Nội dung chi tiết học phần:

❖ Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát. Trong từng chương ghi số tiết giảng lý thuyết, bài tập, thực hành (hoặc thí nghiệm, thảo luận). Đồng thời đối chiếu các nội dung với các chuẩn đầu ra của môn học.

STT	NỘI DUNG	PHÂN BỐ THỜI GIAN	CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN
1	Chương 1:	(a:b:c)	
	A. Các nội dung giảng dạy trên lớp:	(số tiết học trên lớp)	
	– Nội dung:		
	– Phương pháp giảng dạy:.....		
	B. Các nội dung tự học ở nhà:	(số tiết học ở nhà)	

2	Chương 2:	(a:b:c)	
	A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: – Nội dung: – Phương pháp giảng dạy:.....	(số tiết học trên lớp)	
	B. Các nội dung tự học ở nhà:	(số tiết học ở nhà)	
...			

VIII. Tài liệu học tập

1. Sách, giáo trình, tài liệu chính:

.....

2. Sách, tài liệu tham khảo:

.....

IX. Nhiệm vụ người học

1. Dự lớp:
 2. Bài tập:
 3. Chuẩn bị nội dung ở nhà:
 4. Khác (nếu có):

X. Phương pháp đánh giá học phần

1. Thang điểm đánh giá: 10.
 2. Hình thức và kế hoạch đánh giá:

STT	HÌNH THỨC	NỘI DUNG	THỜI ĐIỂM	CÔNG CỤ	TỶ LỆ (%)
1.	Tham dự lớp (Quá trình)				
	Hình thức 01				
	Hình thức 02				
	...				

2.	Báo cáo chuyên đề/tiểu luận				
	Hình thức 01				
	Hình thức 02				
	...				
3.	Kiểm tra giữa kỳ				
	Hình thức				
4.	Bài tập lớn				
	Hình thức				
5.	Thi cuối kỳ				
	Hình thức				
...					

❖ **Ghi chú:**

- Các nội dung và hình thức đánh giá trên có thể thay đổi tùy theo môn học.

XI. Ngày phê duyệt

.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA/BAN CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Giới tính:
 Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:
 Quê quán: Dân tộc:
 Học vị cao nhất: Năm, nước nhận học vị:
 Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:
 Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):
 Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):
 Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:
 Điện thoại liên hệ: CQ: NR: DD:
 Fax: Email:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo:
 Nơi đào tạo:
 Ngành học:
 Nước đào tạo: Năm tốt nghiệp:
 Bằng đại học 2: Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Năm cấp bằng:
 Nơi đào tạo:
 - Tiến sĩ chuyên ngành: Năm cấp bằng:
 Nơi đào tạo:
 - Tên luận án:

3. Ngoại ngữ: 1. Mức độ sử dụng:
 2. Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

THỜI GIAN	NƠI CÔNG TÁC	CÔNG VIỆC ĐẢM NHIỆM

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

STT	TÊN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	NĂM BẮT ĐẦU/ NĂM HOÀN THÀNH	ĐỀ TÀI CẤP (NN, Bộ, Ngành, Trường)	TRÁCH NHIỆM THAM GIA TRONG ĐỀ TÀI

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	NĂM CÔNG BỐ	TÊN TẠP CHÍ

TP. Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 20__

Xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH VÀ KHẢ NĂNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

I. Nội dung đánh giá:

Hội đồng khoa học đánh giá chương trình và khả năng đào tạo trình độ thạc sĩ theo các nội dung sau:

1. Sự cần thiết mở ngành/chuyên ngành đào tạo.
2. Mục tiêu và đối tượng tuyển sinh.
3. Năng lực của cơ sở đào tạo.
 - 3.1. Đội ngũ giảng viên;
 - 3.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo;
 - 3.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học;
 - 3.4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.
4. Chương trình và kế hoạch đào tạo.
 - 4.1. Chương trình đào tạo;
 - 4.2. Dự kiến kế hoạch đào tạo.

II. Các bước tiến hành

1. Ban xây dựng đề án mở ngành/chuyên ngành trình bày tóm tắt các căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo; mục tiêu của chương trình đào tạo; cấu trúc chương trình đào tạo; thời lượng của chương trình đào tạo; nội dung của chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần và các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo.
2. Hai thành viên phản biện của Hội đồng đánh giá đọc nhận xét và đặt câu hỏi.
Các thành viên của Hội đồng đánh giá đặt câu hỏi.
3. Đại diện Ban xây dựng đề án trả lời và giải trình.
4. Chương trình đào tạo được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên ghi ý kiến của mình vào phiếu đánh giá, trong đó cần khẳng định chương trình đào tạo đạt yêu cầu hay chưa đạt yêu cầu, những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa. Phiếu trắng được coi là phiếu không thông qua. Chương trình được coi là đạt yêu cầu khi có 4/5 thành viên bỏ phiếu thông qua.
5. Kết luận của Hội đồng đánh giá.

Toàn bộ diễn biến của phiên họp phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt là phần hỏi và trả lời, trong đó ghi đầy đủ ý kiến của các thành viên có mặt trong buổi họp đánh giá.

Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và thư ký Hội đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

**BIÊN BẢN PHIÊN HỌP ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH VÀ KHẢ
NĂNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH**

.....

Hôm nay, vào lúc __giờ__ ngày __ tháng __ năm 20__ , tại Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn, Hội đồng đánh giá chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành/chuyên ngànhcủa Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn đã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng đánh giá:

1.
2.
3.
4.
5.

II. Nội dung đánh giá:

1. Đại diện Ban xây dựng đề án báo cáo tóm tắt các nội dung sau:

- 1.1. Sự cần thiết mở ngành/chuyên ngành đào tạo.
- 1.2. Mục tiêu và đối tượng tuyển sinh.
- 1.3. Năng lực của cơ sở đào tạo.
 - Đội ngũ giảng viên;
 - Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo;
 - Hoạt động nghiên cứu khoa học;
 - Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- 1.4. Chương trình và kế hoạch đào tạo.
 - Chương trình đào tạo;
 - Dự kiến kế hoạch đào tạo.

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng đánh giá:

- Các phản biện đọc nhận xét
-
- Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi
-
-

3. Đại diện Ban xây dựng đề án trả lời các câu hỏi đã được nêu:

.....
.....

4. Hội đồng đánh giá họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín.

Ban kiểm phiếu gồm:

1..... – Trưởng ban

2..... – Ủy viên

3..... – Ủy viên

5. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả:

- Số phiếu đạt:

- Số phiếu không đạt:

6. Kết luận của Hội đồng đánh giá:

.....
.....

Phiên họp kết thúc vào lúc __giờ__, ngày __tháng__ năm 20__.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH VÀ KHẢ NĂNG ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Họ và tên thành viên Hội đồng đánh giá:

Chức danh trong Hội đồng đánh giá:

Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo: Mã số:

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	NHẬN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG	KẾT LUẬN (Đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Sự cần thiết mở ngành/chuyên ngành đào tạo		
2	Mục tiêu và đối tượng tuyển sinh.		
3	Năng lực của cơ sở đào tạo: - Đội ngũ giảng viên; - Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo; - Hoạt động nghiên cứu khoa học; - Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.		
4	Chương trình và kế hoạch đào tạo: - Chương trình đào tạo; - Dự kiến kế hoạch đào tạo.		

Những ý kiến khác:

Kết luận chung: (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung
chỉnh sửa)

Thành viên Hội đồng đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Theo mẫu tại Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Các quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ đại học của ngành/chuyên ngành tương ứng với ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo:

Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg, ngày 06/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học DL Kỹ nghệ TP. Hồ Chí Minh trên cơ sở trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg, ngày 16/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học DL Kỹ nghệ TP. Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn;

...

II. Các điều kiện bảo đảm chất lượng:

1./Đội ngũ cán bộ tham gia đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo:

- ⚡ Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn đã đăng ký trong Hồ sơ đăng ký mở ngành/chuyên ngành.

STT	CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN			HỌC HÀM		HỌC VỊ			NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TỐT NGHIỆP	THAM GIA ĐÀO TẠO SĐH			THÀNH TÍCH KHOA HỌC (*)
	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	HỌC HÀM	NĂM PHONG	HỌC VỊ	NƯỚC TN	NĂM TN		NỘI DUNG	NĂM	CƠ SỞ ĐÀO TẠO	
1.													
2.													
3.													
4.													

Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn cam kết những thông tin đã được liệt kê trên đây hoàn toàn đúng với thực tế hiện có của Trường.

TP. Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 20__

**Xác nhận của Sở Giáo dục và Đào tạo
TP Hồ Chí Minh
GIÁM ĐỐC**

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

2./Thiết bị phục vụ cho đào tạo

✚ Trang thiết bị phục vụ cho đào tạo chung:

STT	MÁY, THIẾT BỊ			NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG	TÊN HỌC PHẦN SỬ DỤNG THIẾT BỊ
	TÊN GỌI	KÝ HIỆU	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
1.							
2.							
3.							
4.							
...							

Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn cam kết những thông tin đã được liệt kê trên đây hoàn toàn đúng với thực tế hiện có của Trường.

Xác nhận của Sở Giáo dục và Đào tạo
TP Hồ Chí Minh
GIÁM ĐỐC

TP. Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 20__

HIỆU TRƯỞNG
• (Ký tên, đóng dấu)

3./ Thư viện:

STT	SÁCH, GIÁO TRÌNH, TẠP CHÍ (*)	NƯỚC XUẤT BẢN	NĂM XUẤT BẢN	SỐ LƯỢNG	TÊN HỌC PHẦN SỬ DỤNG SÁCH, GIÁO TRÌNH, TẠP CHÍ
1.					
2.					
3.					
4.					
5.					
...					

Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn cam kết những thông tin đã được liệt kê trên đây hoàn toàn đúng với thực tế hiện có của Trường.

TP. Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 20__

**Xác nhận của Sở Giáo dục và Đào tạo
TP Hồ Chí Minh
GIÁM ĐỐC**

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

**BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN,
TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN**

Hôm nay, vào lúc __giờ__ ngày __ tháng __ năm 20__ , tại Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn, Đoàn công tác của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố đã kiểm tra thực tế các điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo của ngành/chuyên ngành trong hồ sơ đăng ký mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn, cụ thể như sau:

I. Thành phần làm việc:

A. Đoàn công tác của Sở Giáo dục và Đào tạo:

1.
2.
3.
- ...

B. Đại diện Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn:

1.
2.
3.
- ...

II. Nội dung làm việc:

1. Trường báo cáo tóm tắt các điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo của ngành/chuyên ngành, trong hồ sơ đăng ký mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ.

2. Đoàn kiểm tra thực tế theo các nội dung sau:

a) Đội ngũ cán bộ tham gia đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn đã đăng ký trong hồ sơ đăng ký mở ngành/chuyên ngành.

Số TT	HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH, CHỨC VỤ HIỆN TẠI	HỌC HÀM, NĂM PHONG	HỌC VỊ, NƯỚC, NĂM TỐT NGHIỆP	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	THAM GIA ĐÀO TẠO SĐH (NĂM, CSĐT)	THÀNH TÍCH KHOA HỌC	ĐÚNG/KHÔNG ĐÚNG VỚI HỒ SƠ	GHI CHÚ (Số Sổ BHXH)
1								
2								
3								
4								
...								

b) Thiết bị phục vụ cho đào tạo

STT	MÁY, THIẾT BỊ			NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG	TÊN HỌC PHẦN SỬ DỤNG THIẾT BỊ	ĐÚNG/KHÔNG ĐÚNG HỒ SƠ	GHI CHÚ
	TÊN GỌI	KÝ HIỆU	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG						
1.									

2.									
3.									
4.									
...									

c) Thư viện

STT	SÁCH, GIÁO TRÌNH, TẠP CHÍ (*)	NƯỚC XUẤT BẢN	NĂM XUẤT BẢN	SỐ LƯỢNG	TÊN HỌC PHẦN SỬ DỤNG SÁCH, GIÁO TRÌNH, TẠP CHÍ	ĐÚNG/KHÔNG ĐÚNG HỒ SƠ	GHI CHÚ (Số đăng ký cá biệt)
1.							
2.							
3.							
...							

3. Ý kiến của đoàn kiểm tra

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra, đối chiếu các nội dung kê khai trong hồ sơ với các điều kiện thực tế như: bảng lương của trường; sổ bảo hiểm, văn bằng, chứng chỉ của giảng viên; trang thiết bị; thư viện phục vụ đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ Thạc sĩ.

4. Giải trình của nhà trường:

Nhà trường cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh theo yêu cầu của đoàn kiểm tra và nhất trí với kết quả của đoàn kiểm tra về các điều kiện đảm bảo đào tạo ngành/chuyên ngành

5. Kết luận của Đoàn kiểm tra:

Hiện nay Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn đang hoạt động tại địa điểm: Số 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh (Trường thành lập theo Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg, ngày 06/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ với tên gọi là trường Đại học DL Kỹ nghệ TP. Hồ Chí Minh và Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg, ngày 16/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học DL Kỹ nghệ TP. Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn).

Xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ Thạc sĩ của Trường với các kê khai trong Biên bản tại thời điểm kiểm tra.

Ý kiến khác:
.....

Buổi kiểm tra kết thúc lúc __giờ__ cùng ngày.

Sau khi bổ sung đủ hồ sơ, Biên bản lập thành 6 bản lúc __giờ__ ngày __ tháng __ năm 20__ tại Trường Đại học Sài Gòn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 20__

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP.HCM
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỜNG ĐHCÔNG NGHỆ SÀI GÒN
HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Biên bản có thể thay theo mẫu mới của Sở Giáo dục & Đào tạo TP.Hồ Chí Minh.

THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

I. Nội dung thẩm định chương trình đào tạo

Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo các nội dung sau:

1. Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo;
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo;
3. Cấu trúc chương trình đào tạo;
4. Thời lượng của chương trình đào tạo;
5. Nội dung của chương trình đào tạo: đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội đất nước;
6. Đề cương chi tiết của học phần/môn học: mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.

II. Các bước tiến hành

1. Cơ sở đào tạo đề nghị cho phép đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ trình bày tóm tắt các căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo; mục tiêu của chương trình đào tạo; cấu trúc chương trình đào tạo; thời lượng của chương trình đào tạo; nội dung của chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần và các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo.
2. Hai thành viên phản biện của Hội đồng thẩm định đọc nhận xét và đặt câu hỏi. Các thành viên của Hội đồng thẩm định đặt câu hỏi.
3. Đại diện cơ sở đào tạo trả lời và giải trình.
4. Chương trình đào tạo được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên ghi ý kiến của mình vào phiếu thẩm định, trong đó cần khẳng định chương trình đào tạo đạt yêu cầu hay chưa đạt yêu cầu, những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa). Phiếu trắng được coi là phiếu không thông qua. Chương trình được coi là đạt yêu cầu khi có 4/5 thành viên bỏ phiếu thông qua.
5. Kết luận của Hội đồng thẩm định

Toàn bộ diễn biến của phiên họp phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt là phần hỏi và trả lời, trong đó ghi đầy đủ ý kiến của các thành viên có mặt trong buổi thẩm định.

Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và thư ký Hội đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

**BIÊN BẢN PHIÊN HỌP THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Hôm nay, vào lúc __giờ__ ngày __ tháng __ năm 20__, tại
Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành/chuyên ngành
của trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định:

1.
2.
3.
4.
5.

II. Nội dung

1. Đại diện Ban xây dựng đề án báo cáo tóm tắt các căn cứ xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT); mục tiêu CTĐT; cấu trúc CTĐT; thời lượng CTĐT; nội dung CTĐT; đề cương chi tiết các học phần và các điều kiện đảm bảo thực hiện CTĐT.
2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định:
 - Các phản biện đọc nhận xét
 -
 - Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi
 -
3. Đại diện Ban xây dựng đề án trả lời các câu hỏi đã được nêu:
.....
.....
4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín.
Ban kiểm phiếu gồm:
 - 1..... – Trưởng ban
 - 2..... – Ủy viên
 - 3..... – Ủy viên

5. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả:

- Số phiếu đạt:
- Số phiếu không đạt:

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định:

.....
.....

Phiên họp kết thúc vào lúc __giờ__, ngày __ tháng __ năm 20__.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên) -

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Biểu mẫu được áp dụng trong trường hợp Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn được Bộ Giáo dục & Đào tạo cho phép tự thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành/chuyên ngành đề nghị;
- Trong trường hợp cơ sở ngoài thẩm định chương trình đào tạo sẽ sử dụng theo biểu mẫu của cơ sở đó.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định:

Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo: Trường Đại học Công nghệ
Sài Gòn

Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo: Mã số:

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

STT	NỘI DUNG THẨM ĐỊNH	NHẬN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG	KẾT LUẬN (Đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo		
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo		
3	Cấu trúc chương trình đào tạo		
4	Thời lượng của chương trình đào tạo		
5	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội đất nước)		
6	Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)		

Những ý kiến khác:

.....

Kết luận chung: (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa,)

.....

Thành viên Hội đồng thẩm định

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Biểu mẫu được áp dụng trong trường hợp Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn được Bộ Giáo dục & Đào tạo cho phép tự thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành/chuyên ngành đề nghị;
- Trong trường hợp cơ sở ngoài thẩm định chương trình đào tạo sẽ sử dụng theo biểu mẫu của cơ sở đó.